

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023– 2024

NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

LỚP ĐẠI HỌC CNTT K47 (Năm 1) – HỆ CHÍNH QUY

HỌC KỲ 1

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				BB	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	LC1101D	Triết học Mác- Lênin	3	3				3		30%	TL	Khoa LLCT		
2	TC1001D	Giáo dục thể chất 1	(1)		1			1		0%	TH	Khoa GDTC		
3	20CT1101	Nhập môn ngành Công nghệ Thông tin	3	2	1			3		40%	TL	BCN Khoa, Tổ trưởng BM	BCN Khoa, Tổ trưởng BM	
4	20CT1102	Nguyên lý lập trình cấu trúc	4	2	2			4		50%	TH	Nguyễn Thị Lương	Trần Vĩnh Phúc	
5	20LH0001	Pháp luật đại cương	3	3				3		30%	TL	Khoa Luật học		
6	QP2101D	Giáo dục quốc phòng & an ninh 1	(3)	3				3		0%	TL	Khoa GDQP & AN		
7	QP2102D	Giáo dục quốc phòng & an ninh 2	(2)		2			2		0%	TL	Khoa GDQP & AN		
8	QP2103D	Giáo dục quốc phòng & an ninh 3	(1.5)	1	0.5			1.5		0%	TL	Khoa GDQP & AN		
9	QP2104D	Giáo dục quốc phòng & an ninh 4	(2)		2			2		0%	VD	Khoa GDQP & AN		
Tổng Cộng			22.5	14	8.5	0	0	22.5	0					

HỌC KỲ 2

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				BB	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BT L							
1	LC1102D	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2				2		30%	TL	Khoa LLCT		
2	TC1002D	Giáo dục thể chất 2: Cầu lông	(1)											Sv chọn 1 tc
	TC1003D	Giáo dục thể chất 2: Bóng bàn												
	TC1004D	Giáo dục thể chất 2: Bóng đá			1			1		0%	TH	Khoa GDTC		
	TC1005D	Giáo dục thể chất 2: Bóng ném												
3	20CT1202	Nguyên lý lập trình hướng đối tượng	4	2	2			4		50%	TH	Trần Thông	Phan T Thanh Nga	
4	20TN1202	Toán rời rạc	4	3	1			4		40%	TL	Khoa Toán-TH		
5	20CT1103	Bao trì máy tính	3	1	2				3	50%	TH	Nguyễn V H Dũng	Lê Thiên Anh	Sv chọn 6 tc
6	20CT1203	Đồ họa ứng dụng	3	1	2				3	50%	TH	MG: Phan Tuấn Anh	Trần T P Linh	
7	20TN1201	Toán cao cấp B1	3	3					3	30%	TL	Khoa Toán-TH		
Tổng Cộng			20	12	8	0	0	11	9					

Ghi chú: - Sinh viên chọn 6 tín chỉ tự chọn/3 học phần tự chọn.

- LT: Lý thuyết, TH: Thực hành, BT: Bài tập, BTL: Bài tập lớn, BB: Bắt buộc, TC: Tự chọn

- % KT: Phần trăm kiểm tra, HT: Hình thức

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2023

TRƯỜNG KHOA

Trần Ngô Như Khánh

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Hoàng Minh Tiến

Mai Minh Nhật

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023– 2024

NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

LỚP ĐẠI HỌC CNTT K46 (Năm 2) – HỆ CHÍNH QUY

HỌC KỲ 1

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				BB	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	LC2101D	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2				2		30%	TL	Khoa LLCT		
2	TC2003D	Giáo dục thể chất 3	(1)		1			1		0%	TH	Khoa GDTC		
3	20CT1201	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	2	1			3		50%	TH	Nguyễn Thị Lương	La Quốc Thắng Lê Thiên Anh	
4	20CT2102	Kiến trúc máy tính	3	2	1			3		50%	TH	Trần N Như Khánh	Nguyễn V H Dũng Đỗ Văn Khoa	
5	20CT2103	Tiếng Anh chuyên ngành	3	1		2		3		50%	TL	Khoa Ngoại ngữ		
6	20CT3204	Tham quan thực tế	1	0	1			1		30%	BC	Khoa CNTT		
7	20TN2102	Toán cao cấp B2	3	3				3		40%	TL	Khoa Toán-TH		Sv chọn 6 tín chỉ
8	20QT0004	Nguyên lý kế toán	3	2		1		3		40%	TL	Khoa KT-QTKD		
9	20QT0001	Kinh tế học đại cương	3	2		1		3		30%	TL	Khoa QTKD		
Tổng Cộng			22	14	4	4	0	13	9					

Ghi chú: - Sinh viên chọn 6 tín chỉ tự chọn/ 3 học phần tự chọn.

HỌC KỲ 2

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				BB	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	LC2102D	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2				2		30%	TL	Khoa LLCT		
2	20CT2201	Cơ sở dữ liệu	4	3	1			4		50%	TL	MG: Tạ T T Phương	Phan Thị Thanh Nga Trần T Phương Linh	
3	20CT2203	Mạng máy tính	4	2	2			4		50%	TH	Vũ Minh Quan	Nguyễn V H Dũng Đỗ Văn Khoa	
4	20CT2204	Hệ điều hành	3	2	1			3		40%	TL	Trần N Như Khánh	Lê Thiên Anh Đỗ Văn Khoa	
5	20NV0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	3	2		1		3		30%	TL	Khoa NV&LS		Sv chọn 3 tín chỉ
6	20QT0006	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	1	1	1		3		50%	BC	MG: Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp		
7	20SP0001	Tâm lý học đại cương	3	2		1		3		40%	TL	Khoa Sư phạm		
Tổng Cộng			22	14	5	3	0	13	9					

Ghi chú: - Sinh viên chọn 3 tín chỉ tự chọn/ 3 học phần tự chọn.

- LT: Lý thuyết, TH: Thực hành, BT: Bài tập, BTL: Bài tập lớn, BB: Bắt buộc, TC: Tự chọn

- % KT: Phần trăm kiểm tra, HT: Hình thức

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

Trần Ngô Như Khánh

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Hoàng Minh Tiến

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
Mai Minh Nhật

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023– 2024

NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

LỚP ĐẠI HỌC CNTT K45 (Năm 3) – HỆ CHÍNH QUY

HỌC KỲ 1

A. Chuyên ngành Mạng máy tính:

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				B B	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	LC3101D	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				2		30%	TL	Khoa LLCT		
2	20CT3120	Hệ điều hành mã nguồn mở	3	2	1			3		50%	TH	Trần N Như Khánh		
3	20CT3121	Quản trị mạng Windows	4	2	2			4		50%	TL	Vũ Minh Quan		
4	20CT3122	Định tuyến mạng	3	2	1			3		50%	TH	Trần Thông		
5	20CT3103	Phát triển ứng dụng web	4	2	2			4		50%	TH	Lê Gia Công		Sv chọn 4/12 tín chỉ
6	20CT3123	Mật mã học và mã hóa thông tin	4	3	1			4		50%	TL	Đoàn Minh Khuê		
7	20CT3124	Chuyên đề mạng máy tính 1	4	2	2			4		50%	TL	Vũ Minh Quan		
8	20CT3106	Lập trình Python	3	2	1			3		50%	TH	Phan Thị Thanh Nga		Sv chọn 6/9 tín chỉ
9	20CT3107	Lập trình mạng	3	2	1			3		50%	TH	Trần N Như Khánh		
10	20CT3108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	1	2			3		50%	VĐ	Võ Phương Bình		
Tổng Cộng			33	20	13	0	0	12	21					

Ghi chú: Sinh viên chọn 4 tín chỉ tự chọn/ 3 học phần tự chọn; và chọn 6 tín chỉ tự chọn bổ trợ/ 3 học phần tự chọn bổ trợ

B. Chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm:

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				B B	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	LC3101D	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				2		30%	TL	Khoa LLCT		
2	20CT3101	Công nghệ phần mềm	3	2	1			3		50%	VĐ	Võ Phương Bình	La Quốc Thắng	
3	20CT3132	Phát triển ứng dụng di động	3	1	2			3		50%	TH	Nguyễn Thị Lương	La Quốc Thắng	
4	20CT3103	Phát triển ứng dụng web	4	2	2			4		50%	TH	Lê Gia Công	Phan T Thanh Nga	
5	20CT3104	Thiết kế giao diện	3	2	1			3		50%	BC	Trần Thị Phương Linh		Sv chọn 3/6 tc
6	20CT3105	Lập trình Java	3	2	1			3		50%	TH	Đoàn Minh Khuê		
7	20CT3106	Lập trình Python	3	2	1			3		50%	TH	Phan Thị Thanh Nga		Sv chọn 6/9 tín chỉ
8	20CT3107	Lập trình mạng	3	2	1			3		50%	TH	Trần Ngô Như Khánh		
9	20CT3108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	1	2			3		50%	VĐ	Võ Phương Bình		
Tổng Cộng			27	16	11	0	0	12	15					

Ghi chú: Sinh viên chọn 3 tín chỉ tự chọn/ 2 học phần tự chọn; và chọn 6 tín chỉ tự chọn bổ trợ/ 3 học phần tự chọn bổ trợ

C. Chuyên ngành Khoa học dữ liệu

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				B B	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	LC3101D	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				2		30%	TL	Khoa LLCT		
2	20TN3111	Xác suất - Thống kê	3	2	1			3		50%	TL	Đặng Tuấn Hiệp		

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				B B	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
3	20CT3112	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải nâng cao	3	2	1			3		50%	TH	Nguyễn Thị Lương		
4	20CT3113	Các phương pháp học máy	4	2	2			4		50%	TH	MG: Khoa Toán - Tin		
5	20CT3103	Phát triển ứng dụng web	4	2	2			4	50%	TH	Lê Gia Công	Phan T Thanh Nga	Sv chọn 3/11 tín chỉ	
6	20CT3132	Phát triển ứng dụng di động	3	1	2			3	50%	TH	Thái Duy Quý	La Quốc Thắng		
7	20CT3123	Mật mã học và mã hóa thông tin	4	3	1			4	50%	TL	Đoàn Minh Khuê			
8	20CT3106	Lập trình Python	3	2	1			3	50%	TH	Phan Thị Thanh Nga		Sv chọn 6/9 tín chỉ	
9	20CT3107	Lập trình mạng	3	2	1			3	50%	TH	Trần N Như Khánh			
10	20CT3108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	1	2			3	50%	VD	Võ Phương Bình			
Tổng Cộng			32	19	13	0	0	12	20					

Ghi chú: Sinh viên chọn 3 tín chỉ tự chọn/ 3 học phần tự chọn; và chọn 6 tín chỉ tự chọn bổ trợ/ 3 học phần tự chọn bổ trợ

- LT: Lý thuyết, TH: Thực hành, BT: Bài tập, BTL: Bài tập lớn, BB: Bắt buộc, TC: Tự chọn

- % KT: Phần trăm kiểm tra, HT: Hình thức

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2023

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG KHOA

Trần Ngô Như Khánh

Trần Ngô Như Khánh

Hoàng Minh Tiến

Mai Minh Nhật



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023– 2024
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
LỚP ĐẠI HỌC CNTT K45 (Năm 3) – HỆ CHÍNH QUY

HỌC KỲ 2

A. Chuyên ngành Mạng máy tính:

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				BB	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	20CT3220	Thiết kế mạng	3	2	1			3		50%	TH	Nguyễn V Huy Dũng		
2	20CT3202	Đồ án chuyên ngành	3	1	2			3		50%	BC	Khoa CNTT		
3	20CT3204	Tham quan thực tế	1		1			1		30%	BC	Khoa CNTT		
4	20CT3221	Quản trị mạng Linux	3	1	2			3		50%	TH	Trần N Như Khánh		
5	20CT3222	An toàn và bảo mật hệ thống	3	2	1			3		50%	LT	Vũ Minh Quan		Sv chọn 9 tín chỉ
6	20CT3223	Các công nghệ ảo hóa	3	2	1			3		50%	LT	Nguyễn V Huy Dũng		
7	20CT3224	Blockchain	3	2	1			3		50%	TH	MG: Phạm Duy Lộc		
8	20CT3225	Internet vạn vật	3	2	1			3		50%	VĐ	Trần Vĩnh Phúc		
Tổng Cộng			22	12	10	0	0	10	12					

Ghi chú: Sinh viên chọn 9 tín chỉ tự chọn/ 4 học phần tự chọn.

B. Chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm:

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				BB	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	20CT3201	Phát triển ứng dụng web nâng cao	3	2	1			3		50%	TH	MG: Nguyễn Văn Phúc	La Quốc Thắng	
2	20CT3202	Đồ án chuyên ngành	3	1	2			3		50%	BC	Khoa CNTT		
3	20CT3203	Mẫu thiết kế	3	2	1			3		50%	VĐ	MG: Đỗ Ngọc Cường	La Quốc Thắng	
4	20CT3204	Tham quan thực tế	1		1			1		30%	BC	Khoa CNTT		
5	20CT3205	Phân tích và thiết kế phần mềm	3	2	1			3		50%	VĐ	La Quốc Thắng		Sv chọn 9 tín chỉ
6	20CT3206	Kiểm thử phần mềm	3	2	1			3		50%	VĐ	Võ Phương Bình		
7	20CT3207	Lập trình Java nâng cao	3	2	1			3		50%	TH	Đoàn Minh Khuê		
8	20CT3208	Phát triển ứng dụng game	3	2	1			3		50%	TH	Lê Gia Công		
Tổng Cộng			22	13	9	0	0	10	12					

Ghi chú: Sinh viên chọn 9 tín chỉ tự chọn/ 4 học phần tự chọn.

C. Chuyên ngành Khoa học dữ liệu:

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				BB	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	20CT3211	Trí tuệ nhân tạo	3	2	1			3		50%	BC	Nguyễn Thị Lương		
2	20CT3202	Đồ án chuyên ngành	3	1	2			3		50%	BC	Khoa CNTT		
3	20CT3212	Xử lý ảnh	3	2	1			3		50%	VĐ	Võ Phương Bình		
4	20CT3204	Tham quan thực tế	1	0	1			1		30%	BC	Khoa CNTT		
5	20CT3213	Lập trình song song	3	2	1			3		50%	TL	MG: Dương Văn Hải		Sv
6	20CT3225	Internet vạn vật	3	2	1			3		50%	VĐ	Trần Vĩnh Phúc		

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				BB	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
7	20CT3214	Học máy nâng cao	3	2	1				3	50%	VĐ	MG: Khoa Toán - Tin		chọn 9 tín chỉ
8	20CT3215	Tiên xử lý và phân tích dữ liệu	3	2	1				3	50%	VĐ	Tạ Hoàng Thắng		
9	20CT3216	Lập trình python nâng cao	3	2	1				3	50%	TH	Phan Thị Thanh Nga		
Tổng Cộng			25	15	10	0	0	10	15					

Ghi chú: - Sinh viên chọn 9 tín chỉ tự chọn/ 5 học phần tự chọn.

- LT: Lý thuyết, TH: Thực hành, BT: Bài tập, BTL: Bài tập lớn, BB: Bắt buộc, TC: Tự chọn

- % KT: Phần trăm kiểm tra, HT: Hình thức

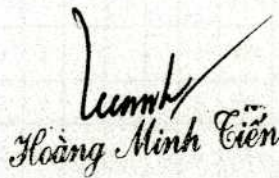
Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2023

TRƯỞNG KHOA



Trần Ngô Như Khánh

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



Hoàng Minh Tiến



Mai Minh Nhật



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023– 2024

NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

LỚP ĐẠI HỌC CNTT K44 (Năm 4) – HỆ CHÍNH QUY

HỌC KỲ I

A. Chuyên ngành Mạng máy tính:

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				B B	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	20CT4120	Hệ thống phân tán	3	2	1			3		50%	TH	MG: Dương Văn Hải		
2	20CT4121	Bảo mật mạng	3	2	1			3		50%	TL	Vũ Minh Quan		
3	20CT4122	Triển khai hệ thống tích hợp	3	1	2				3	50%	VĐ	Nguyễn Văn Huy Dũng		Sv chọn 12/15 tín chỉ
4	20CT4107	Thương mại điện tử	3	2	1				3	50%	VĐ	MG: Phạm Duy Lộc		
5	20CT4124	Chuyên đề mạng máy tính 2	3	2	1				3	50%	TH	Vũ Minh Quan		
6	20CT4125	Mạng thế hệ mới	3	2	1				3	50%	TL	Nguyễn Văn Huy Dũng		
7	20CT4126	Voice over IP	3	2	1				3	50%	TH	Trần Vĩnh Phúc		
Tổng Cộng			21	13	8	0	0	6	15					

Ghi chú: Sinh viên chọn 12 tín chỉ tự chọn/ 5 học phần tự chọn.

B. Chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm:

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				B B	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	20CT4101	Quản trị dự án Công nghệ Thông tin	3	2	1			3		50%	VĐ	Nguyễn Thị Lương	Trần T P Linh	
2	20CT4102	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1			3		50%	TL	Trần Thị Phương Linh	Lê Gia Công	
3	20CT4103	Phát triển ứng dụng Game nâng cao	3	2	1				3	50%	VĐ	Thái Duy Quý	Lê Gia Công	Sv chọn 15/18 tín chỉ
4	20CT4104	Các công nghệ mới trong phát triển phần mềm	3	2	1				3	50%	BC	MG: Phan Viết Hoàng		
5	20CT3113	Các phương pháp học máy	4	2	2				4	50%	VĐ	Đoàn Minh Khuê		
6	20CT4105	Dịch vụ web	3	2	1				3	50%	TH	Lê Gia Công		
7	20CT4106	Phát triển ứng dụng di động nâng cao	3	2	1				3	40%	BC	MG: Phan Viết Hoàng		
8	20CT4107	Thương mại điện tử	3	2	1				3	50%	VĐ	MG: Phạm Duy Lộc		
Tổng Cộng			25	16	9	0	0	6	19					

Ghi chú: Sinh viên chọn 15 tín chỉ tự chọn/ 6 học phần tự chọn.

C. Chuyên ngành Khoa học dữ liệu

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				B B	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	20CT4111	Khai thác dữ liệu	3	2	1			3		50%	VĐ	Dương Văn Hải		
2	20CT4112	Dữ liệu lớn	3	2	1			3		30%	TL	Tạ Hoàng Thắng		
3	20CT4113	Thị giác máy tính	4	2	2				4	50%	TH	Võ Phương Bình		Sv chọn 15/22 tín chỉ
4	20CT4114	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	2	1				3	50%	VĐ	Nguyễn Thị Lương		
5	20CT4115	Mạng Neuron	3	2	1				3	50%	TH	Dương Văn Hải		
6	20CT4116	Điện toán đám mây	3	2	1				3	50%	LT	Nguyễn V Huy Dũng		

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				B B	TC	% KT	HT TH	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
7	20CT4117	Chuyên đề	3	2	1				3	50%	BC	Trần N Như Khánh		
8	20CT4118	Lập trình R cho Khoa học dữ liệu	3	2	1				3	50%	TH	Phan Thị Thanh Nga		
9	20CT4119	Web ngữ nghĩa	3	2	1				3	30%	TL	Tạ Hoàng Thắng		
Tổng Cộng			28	18	10	0	0	6	22					

Ghi chú: - Sinh viên chọn 15 tín chỉ tự chọn/ 7 học phần tự chọn.

- LT: Lý thuyết, TH: Thực hành, BT: Bài tập, BTL: Bài tập lớn, BB: Bắt buộc, TC: Tự chọn

- % KT: Phần trăm kiểm tra, HT: Hình thức

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2023

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG KHOA

Hoàng Minh Tiến

Trần Ngô Như Khánh

Mai Minh Nhật

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023– 2024
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
LỚP ĐẠI HỌC CNTT K44 (Năm 4) – HỆ CHÍNH QUY

HỌC KỲ 2

A. Chuyên ngành Mạng máy tính:

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				B B	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	20CT4201	Thực tập nghề nghiệp	8	0	8			8		50%	BC	Khoa CNTT	Mời Giảng	
2	20CT4202	Đồ án tốt nghiệp	10	0	10			10		30%	BC	Khoa CNTT		
Tổng Cộng			18	0	18	0	0	18	0					

B. Chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm:

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				B B	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	20CT4201	Thực tập nghề nghiệp	8	0	8			8		50%	BC	Khoa CNTT	Mời Giảng	
2	20CT4202	Đồ án tốt nghiệp	10	0	10			10		30%	BC	Khoa CNTT		
Tổng Cộng			18	0	18	0	0	18	0					

C. Chuyên ngành Khoa học dữ liệu

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ				B B	TC	% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	CÁN BỘ THAM GIA HD THỰC HÀNH	GHI CHÚ
				LT	TH	BT	BTL							
1	20CT4201	Thực tập nghề nghiệp	8	0	8			8		50%	BC	Khoa CNTT		
2	20CT4202	Đồ án tốt nghiệp	10	0	10			10		30%	BC	Khoa CNTT		
Tổng Cộng			18	0	18	0	0	18	0					

Ghi chú:

- LT: Lý thuyết, TH: Thực hành, BT: Bài tập, BTL: Bài tập lớn, BB: Bắt buộc, TC: Tự chọn

- % KT: Phần trăm kiểm tra, HT: Hình thức

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

Trần Ngô Như Khánh

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Hoàng Minh Tiến

Mai Minh Nhật

